

Bản án số: **125/2024/DS - ST**  
Ngày: 24 - 9 - 2024.  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đoạt

Ông Giang Thành

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:* Bà Trần Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2023/TLST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần H (M)

Địa chỉ: Số E N, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hoàng L. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần H (M).

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Bùi Đức Q. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng M. Theo giấy uỷ quyền số 3897/2020/UQ-TGD12 ngày 20/7/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần H (M) về việc khởi kiện, tham gia tố tụng và thi hành án.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Bùi Đức Q** là: Ông **Phạm Thanh P**.  
Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang**.

**Bị đơn:** Chị **Lê Thị N**, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần H** trình bày:

Ngày 25/5/2022, **Ngân hàng H - Chi nhánh B** và bà **Lê Thị N** có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số tiền 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022 với hạn mức vay là 170.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 25/5/2022 đến ngày 16/7/2025, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 21.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ, trả gốc hàng tháng vào ngày 16 với số tiền gốc 4.722.222 đồng, lãi tính trên dư nợ giảm dần. Ngày 03/6/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho bà **Lê Thị N** số tiền 170.000.000 đồng. Quá trình vay, bà **N** đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 41.807.720 đồng (trong đó: tiền gốc 26.011.110 đồng, tiền lãi trong hạn 15.788.265 đồng, lãi quá hạn 8.345 đồng).

Từ ngày 28/12/2022, bà **N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 143.988.890 đồng sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn 32.25%/năm, tính đến ngày 23/9/2023, bà **N** còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 143.988.890 đồng, lãi trong hạn 3.986.008 đồng, lãi quá hạn 34.223.003 đồng.

Ngoài ra, ngày 03/6/2022, **Ngân hàng H - Chi nhánh B** với bà **Lê Thị N** có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 có nội dung hạn mức cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2022 đến 01/6/2023, mục đích vay phục vụ đời sống tiêu dùng và nhu cầu cá nhân, lãi suất 23%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán trả nợ gốc vào cuối kỳ (ngày 31/5/2023), lãi hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng trên dư nợ gốc. Ngày 03/6/2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho bà **N**. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **N** đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 25.681.026 đồng (trong đó: nợ gốc 16.447.226 đồng, lãi 9.233.800 đồng). Từ ngày 01/12/2022, bà **N** đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc 99.552.774 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn 34,5%/năm. Tính đến ngày 23/9/2023, bà **N** nợ Ngân hàng số tiền 129.899.149 đồng (trong đó nợ gốc 99.992.774 đồng, nợ lãi trong hạn 1.881.965 đồng, lãi quá hạn 28.024.410 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà **Lê Thị N** trả cho Ngân hàng số tiền đối với hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 23/9/2023 là 312.097.050 đồng, cụ thể: Đối với hợp đồng vay vốn 357/2022/HĐCV ngày 25/5/2022 với số tiền 182.197.901 đồng, trong đó nợ gốc 143.988.890 đồng, lãi trong hạn 3.986.008 đồng, lãi quá hạn 34.233.003 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022 với số tiền 129.899.149 đồng, trong đó nợ gốc 99.992.774 đồng, lãi trong hạn 1.881.965 đồng, lãi quá hạn 28.024.410 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2023, yêu cầu Toà án buộc bà **N** phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo hợp đồng vay vốn 357/2022/HĐCV ngày 25/5/2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

## *2. Bị đơn bà **Lê Thị N** trình bày ý kiến:*

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án và quyết định hoãn phiên tòa) trực tiếp cho bị đơn bà **Lê Thị N** nhưng bị đơn bà **Lê Thị N** không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

### *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt và bản kê khai gốc lãi đề ngày 24/9/2024 của đại diện **Ngân hàng TMCP H** yêu cầu bà **N** phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền đối với các hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng cho vay 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022 với số tiền vay gốc là 143.988.890 đồng, lãi trong hạn 57.943.862, lãi quá hạn 9.641.319 đồng, tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền gốc và lãi là 211.574.071 đồng; đồng thời, yêu cầu bà **N** tiếp tục trả lãi tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu trả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022 với số

tiền gốc là 99.992.774 đồng, lãi trong hạn 12.778.592, lãi quá hạn 47.437.668 đồng, tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền gốc và lãi là 160.209.034 đồng; đồng thời, yêu cầu bà **N** tiếp tục trả lãi tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn bà **Lê Thị N** vắng mặt tại phiên toà, không có lý do nên không có trình bày.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP H** đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà **Lê Thị N** không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP H** với bà **Lê Thị N** có ký hai hợp đồng tín dụng, cụ thể: Hợp đồng cho vay số tiền 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022 với hạn mức vay là 170.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 25/5/2022 đến ngày 16/7/2025, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 21.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ, trả gốc hàng tháng vào ngày 16 với số tiền gốc 4.722.222 đồng, lãi tính trên dư nợ giảm dần và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 có nội dung hạn mức cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2022 đến 01/6/2023, mục đích vay phục vụ đời sống tiêu dùng và nhu cầu cá nhân, lãi suất 23%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán trả nợ gốc vào cuối kỳ (ngày 31/5/2023), lãi hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng trên dư nợ gốc. Ngân hàng đã giải ngân cho bà **N** số tiền vay của hai hợp đồng này. Quá trình vay vốn, bà **N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **N** là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 463, 468, 317, 320 và Điều 323 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H về việc buộc bà Lê Thị N phải thanh toán nợ gốc và lãi, cụ thể: Hợp đồng tín dụng 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022 với số tiền vay gốc là 143.988.890 đồng, lãi trong hạn 57.943.862, lãi quá hạn 9.641.319 đồng, tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền gốc và lãi là 211.574.071 đồng; đồng thời, yêu cầu bà N tiếp tục trả lãi tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022 với số tiền gốc là 99.992.774 đồng, lãi trong hạn 12.778.592, lãi quá hạn 47.437.668 đồng, tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền gốc và lãi là 160.209.034 đồng; đồng thời, yêu cầu bà N tiếp tục trả lãi tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra, đề nghị HĐXX buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng theo quy định.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị N không có yêu cầu phản tố. Bà Lê Thị N đã được Tòa án tổng đạt lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Lê Thị N.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H về việc yêu cầu bị đơn bà Lê Thị N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay 357/2022/HĐCV ngày 25/5/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022 nên quan hệ tranh chấp của vụ kiện được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn bà Lê Thị N có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022: Ngày 25/5/2022, Ngân hàng H - Chi nhánh B và bà Lê Thị N có ký đề nghị vay vốn

kiêm hợp đồng cho vay 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022 với hạn mức vay là 170.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 25/5/2022 đến ngày 16/7/2025, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay 21.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ, trả gốc hàng tháng vào ngày 16 với số tiền gốc 4.722.222 đồng, lãi tính trên dư nợ giảm dần.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời khai của đại diện **Ngân hàng T**: Ngày 03/6/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho bà **Lê Thị N** số tiền 170.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn, bà **N** đã thanh toán cho Ngân hàng gốc và lãi 41.807.720 đồng. Mặc dù, đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện hợp đồng tín dụng chưa đến hạn nhưng bà **N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hợp đồng tín dụng kết thúc trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị **N** trả gốc và lãi tính đến ngày 24/9/2024 là 211.574.071 có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

**[3.2]. Hợp đồng tín dụng số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ngày 03 tháng 6 năm 2022**: Ngày 03/6/2022, **Ngân hàng H – Chi nhánh B** và bà **Lê Thị N** có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 có nội dung hạn mức cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2022 đến 01/6/2023, mục đích vay phục vụ đời sống tiêu dùng và nhu cầu cá nhân, lãi suất 23%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán trả nợ gốc vào cuối kỳ (ngày 31/5/2023), lãi hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng trên dư nợ gốc.

Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời khai của đại diện **Ngân hàng T**: Ngày 03/6/2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho bà **N**. Trong quá trình vay vốn, bà **N** đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 25.681.026 đồng (trong đó: nợ gốc 16.447.226 đồng, lãi 9.233.800 đồng). Mặc dù, đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện hợp đồng tín dụng chưa đến hạn nhưng bà **N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hợp đồng tín dụng kết thúc trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị **N** trả gốc và lãi tính đến ngày 24/9/2024 là 160.209.034 đồng có cơ sở để HĐXX xem xét.

**[4]. Về chi phí tố tụng**: Căn cứ khoản 2, Điều 70, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Tổng chi phí tố tụng cho việc thu thập chứng cứ thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP H** đã nộp số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn

bà **N** phải có trách nhiệm trả lại cho **Ngân hàng TMCP H** số tiền 3.500.000 đồng.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP H**.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần H** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà **Lê Thị N**.

2. Buộc bị đơn bà **Lê Thị N** phải thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần H** theo Hợp đồng tín dụng 357/2022/HĐCV ký ngày 25/5/2022, tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền gốc và lãi là 211.574.071đ (*bằng chữ: Hai trăm mười một triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi một đồng*). Trong đó: số tiền vay gốc là 143.988.890 đồng, lãi trong hạn 57.943.862, lãi quá hạn 9.641.319 đồng.

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2024, buộc bị đơn bà **Lê Thị N** phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho **Ngân hàng thương mại cổ phần H** theo hợp đồng tín dụng 357/2022/HĐTD ngày 25/5/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Buộc bị đơn bà **Lê Thị N** phải thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần H** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022, tính đến ngày 24/9/2024 tổng số tiền gốc và lãi là 160.209.034 đồng (*bằng chữ: Một trăm sáu*

mười triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó: số tiền gốc là 99.992.774 đồng, lãi trong hạn 12.778.592, lãi quá hạn 47.437.668 đồng).

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2024, buộc bị đơn bà **Lê Thị N** phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho **Ngân hàng thương mại cổ phần H** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04108/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3348514 ký ngày 03/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà **Lê Thị N** phải có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần H** chi phí tố tụng với số tiền 3.500.000 đồng (*bằng chữ: ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà **Lê Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 371.783.000 đồng là 18.589.000 đồng (*bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

- Nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần H** không phải chịu án phí, hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần H** số tiền tạm ứng án phí là 7.802.000 đ (*bằng chữ: Bảy triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng*) mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003598 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng TMCP H** được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà **Lê Thị N** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

\* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS huyện;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Lưu.

**Nguyễn Thị Tú Quỳnh**